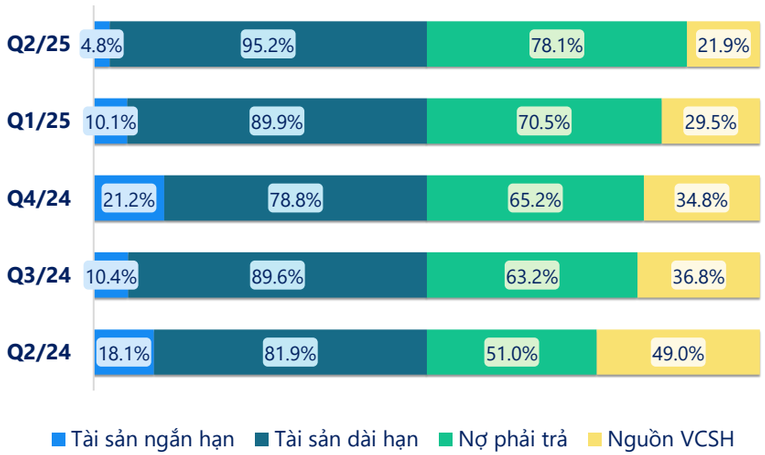
FireAnt

CTCP Vận tải biển Global Pacific (HNX: PCT)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	11,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,000
SL cổ phiếu LH	50,035,493
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,375
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	575
P/E	
EPS	

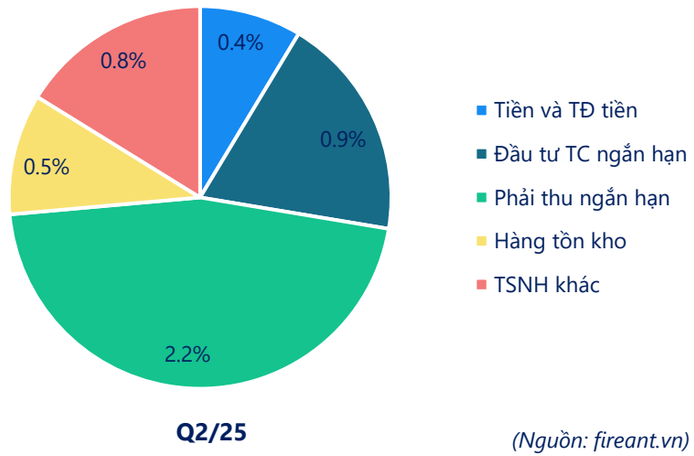
	YTD	1T	3T	6T
PCT	-9.4%	-1.7%	-8.7%	-10.9%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



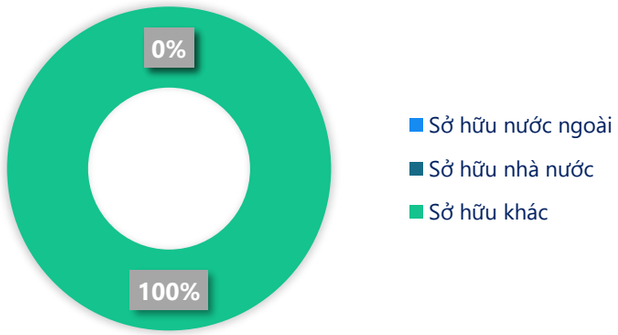
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



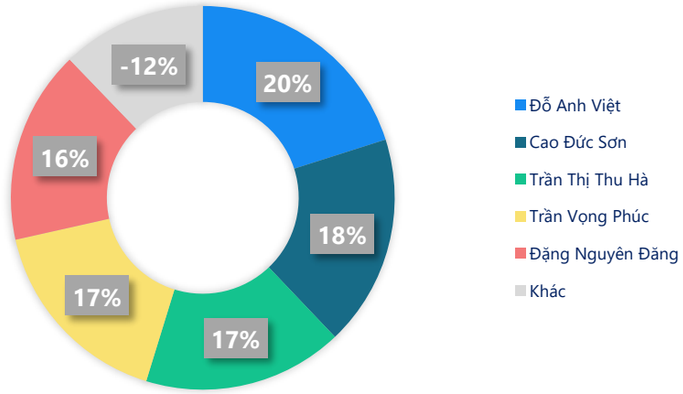
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



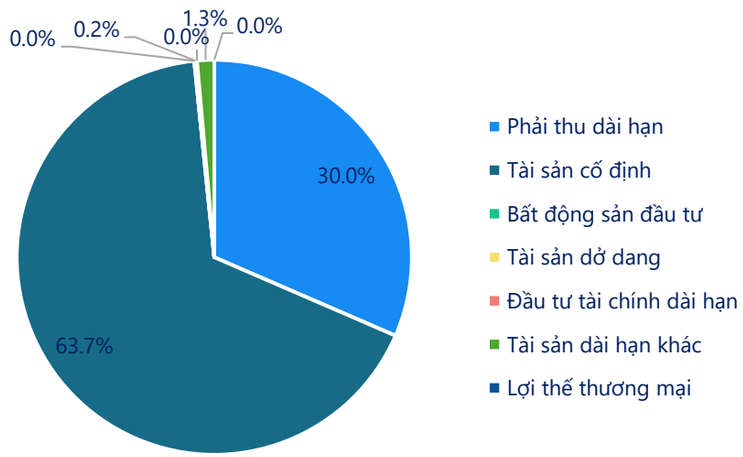
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

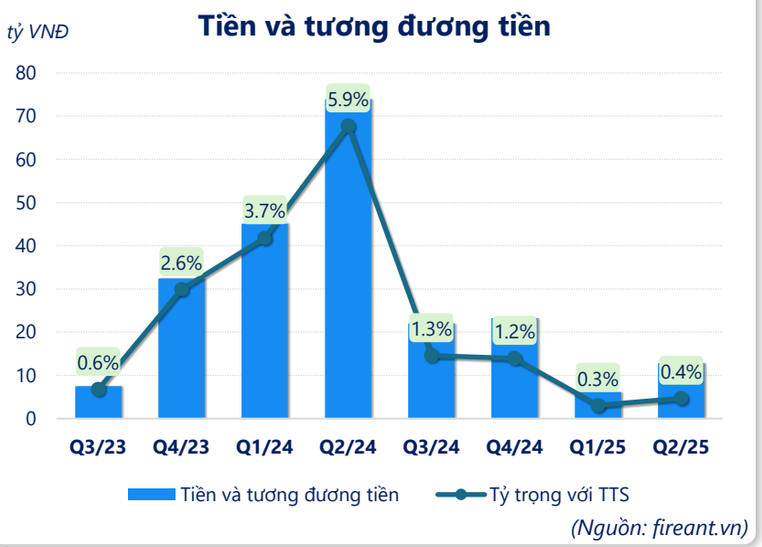


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

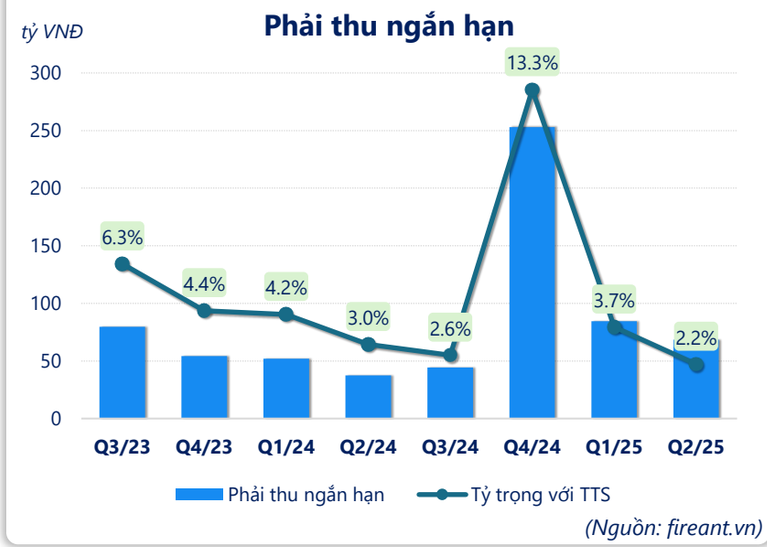
CTCP Vận tải biển Global Pacific (HNX: PCT)

Tiền và tương đương tiền



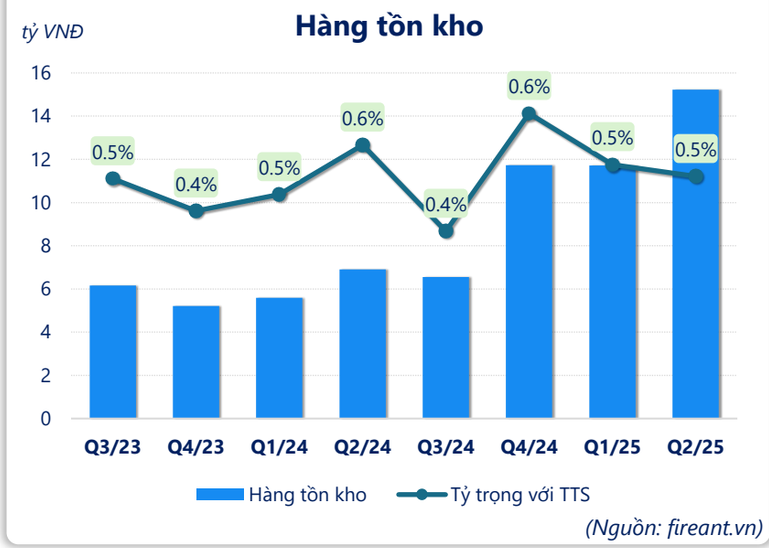
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



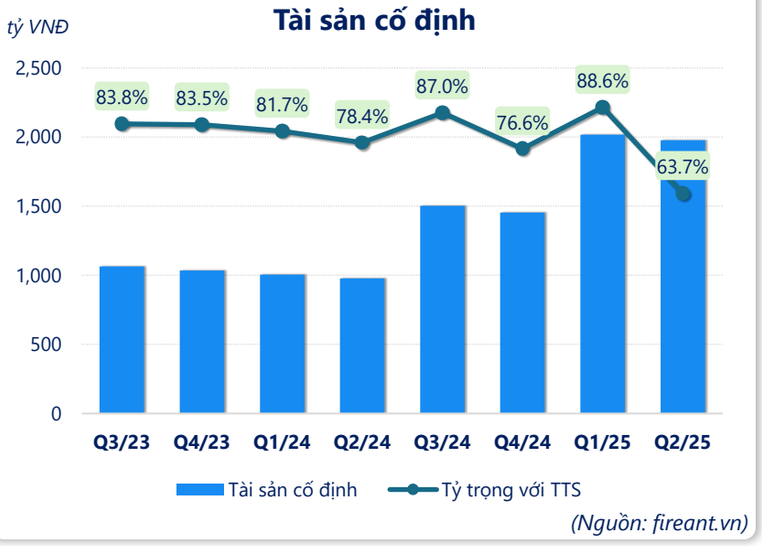
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



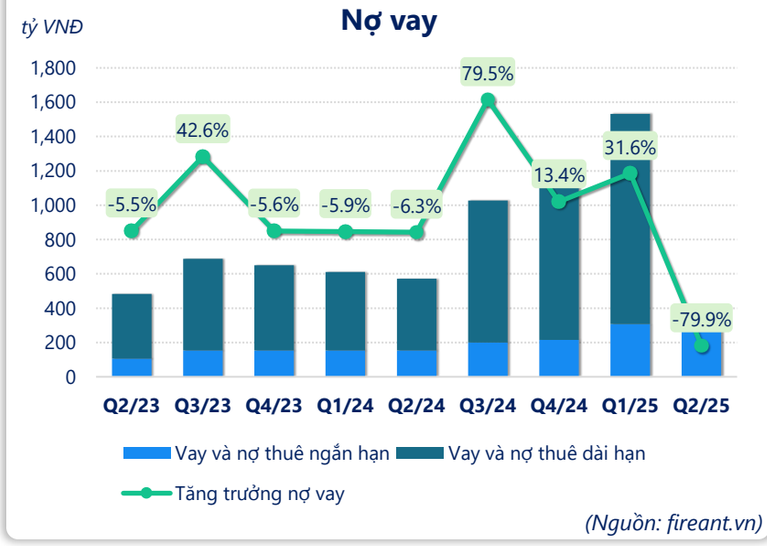
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



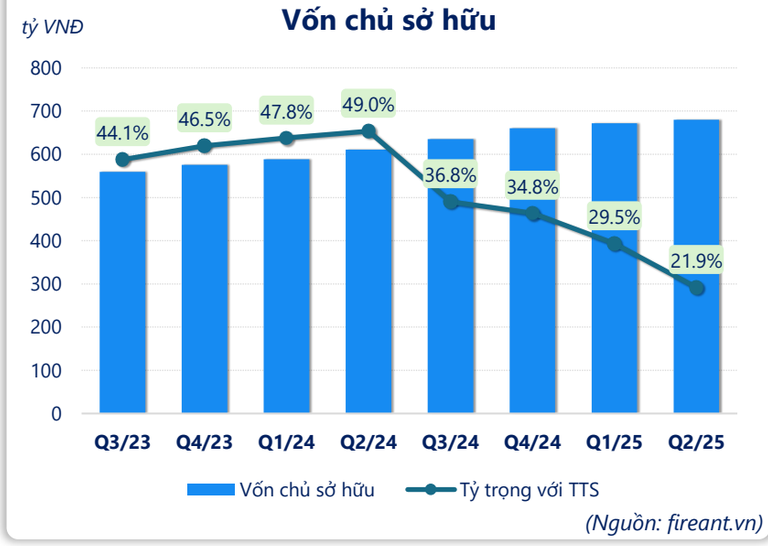
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

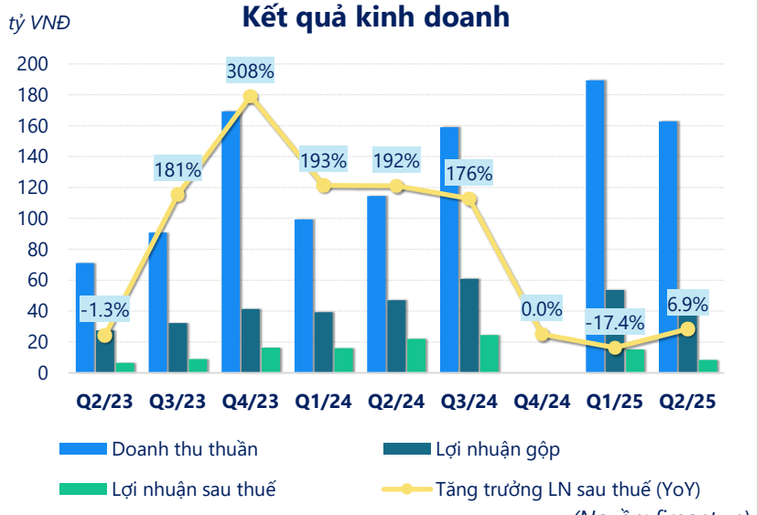
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

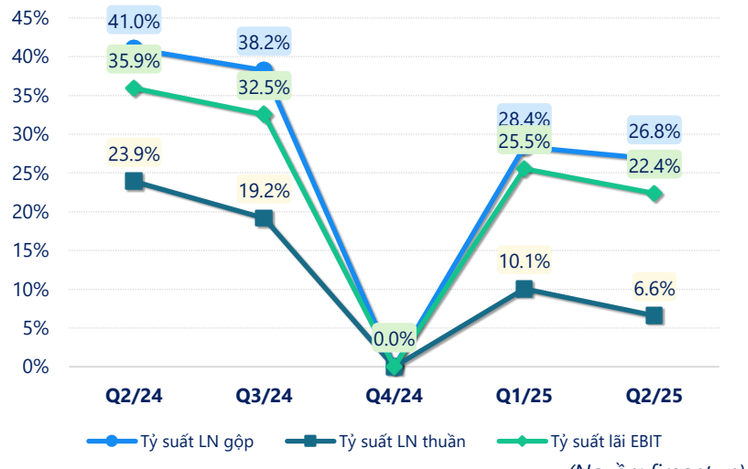
CTCP Vận tải biển Global Pacific (HNX: PCT)

Kết quả kinh doanh



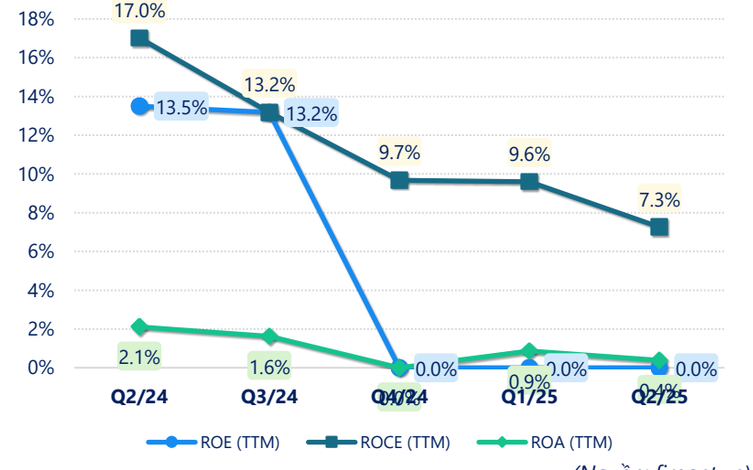
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



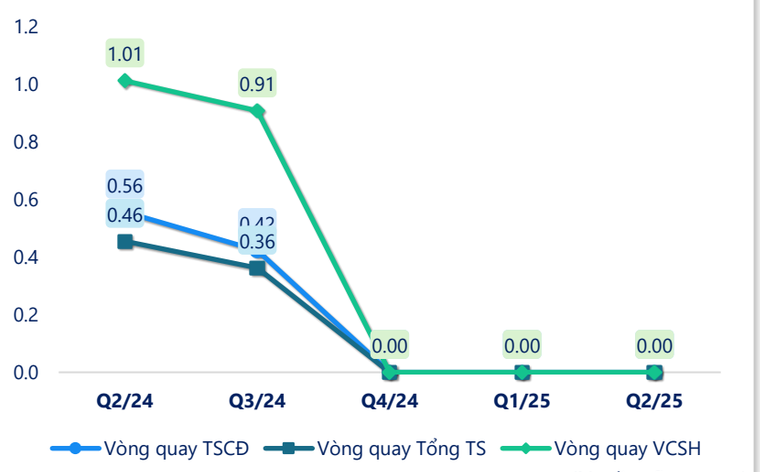
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



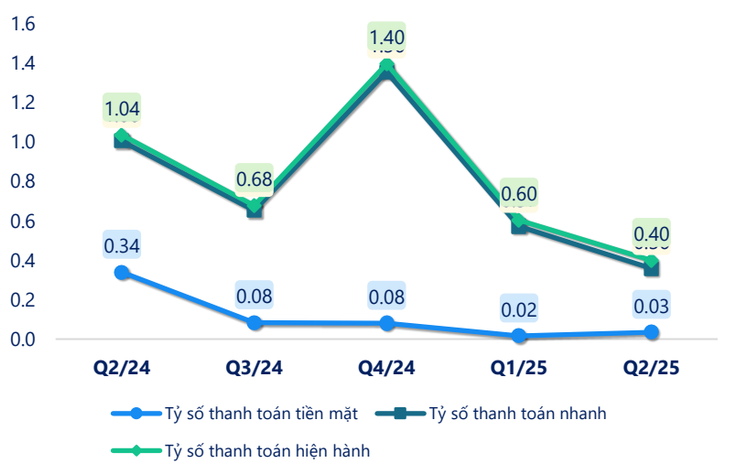
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



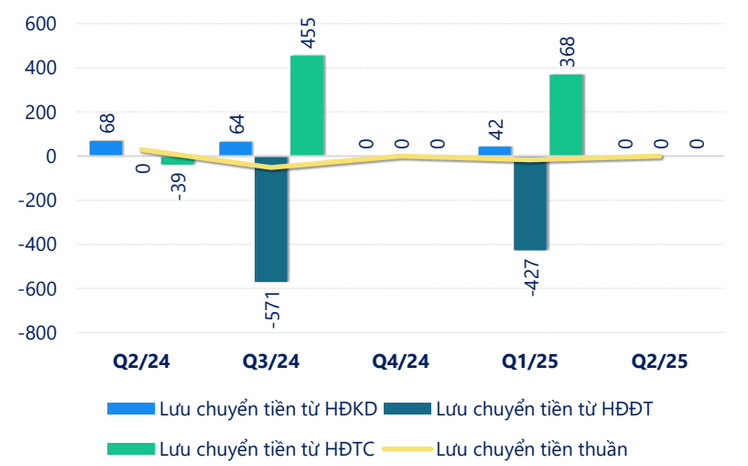
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Vận tải biển Global Pacific (HNX: PCT)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,106**	**1,899**	**63.6%**
Tài sản ngắn hạn	149	403	-63.0%
Tiền và tương đương tiền	12.8	23.2	-44.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	28.3	0	
Phải thu ngắn hạn	68.5	253	-72.9%
Hàng tồn kho	15.2	11.7	29.8%
Tài sản ngắn hạn khác	24.1	115	-79.1%
Tài sản dài hạn	**2,957**	**1,496**	**97.7%**
Phải thu dài hạn	932	2.20	42248%
Tài sản cố định	1,978	1,454	36.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.56	0.06	10003%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**41.4**	**39.0**	**6.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,426	1,238	95.9%
Nợ ngắn hạn	**373**	**289**	**29.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	308	214	43.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	36.6	33.3	10.0%
Nợ dài hạn	2,053	950	116%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	950	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**680**	**660**	**3.0%**
Vốn chủ sở hữu	**680**	**660**	**3.0%**
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	115	159		189	163
Giá vốn hàng bán	67.5	98.2		136	119
Lợi nhuận gộp	47.0	60.8		53.7	43.7
Doanh thu HĐTC	1.39	0.83		1.82	3.23
Chi phí TC	13.9	25.7		30.3	28.0
Chi phí lãi vay	13.5	21.2		29.3	25.9
LN trong công ty LKLD	0	0		0	0
Chi phí bán hàng	0	0		0	0
Chi phí QLDN	7.12	5.40		6.15	8.15
LN thuần từ HĐKD	27.4	30.5		19.0	10.7
Lợi nhuận khác	0.31	0		0	-0.18
LN trước thuế	27.7	30.5		19.0	10.5
Lợi nhuận sau thuế	21.9	24.4		15.2	8.41
LNST của CĐ cty mẹ	21.9	24.4		15.2	8.41

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	67.6	64.4	0	42.1	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.19	-571	0	-427	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-38.6	455	0	368	0
Tiền đầu kỳ	45.1	73.9	0	23.2	0
Lưu chuyển tiền thuần	**28.8**	**-51.9**	**0**	**-17.0**	**0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	73.9	22.0	0	6.16	0

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic